

QUYỀN ĐƯỢC KẾT HÔN CỦA NGƯỜI CÙNG GIỚI - THỰC TRẠNG VÀ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

LÊ NGỌC DUY* - NGUYỄN THỊ TRÀ MY**

Tóm tắt: Bài viết tập trung phân tích, chỉ rõ quyền được kết hôn của người cùng giới theo pháp luật quốc tế và pháp luật quốc gia, đồng thời, đánh giá thực trạng pháp luật Việt Nam về hôn nhân giữa những người cùng giới tính, chỉ ra một số bất cập, vướng mắc của pháp luật khi chưa công nhận hôn nhân đồng giới. Trên cơ sở đó, bài viết đưa ra một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật về hôn nhân đồng giới ở Việt Nam hiện nay.

Từ khóa: Quyền được kết hôn của người cùng giới; hôn nhân đồng giới; hoàn thiện pháp luật

Ngày nhận bài: 26/7/2024; Biên tập xong: 20/9/2024; Duyệt đăng: 28/10/2024

RIGHTS TO SAME-SEX MARRIAGE - CURRENT SITUATION AND RECOMMENDATIONS FOR IMPROVING THE LAW IN VIETNAM TODAY

Abstract: The article focuses on analyzing and clarifying the marriage right for same-sex couples under international and national law. It also assesses the current state of Vietnamese law regarding same-sex marriage, highlighting several shortcomings and legal issues due to the lack of recognition for same-sex marriages. On this basis, the article offers several recommendations for improving the law on same-sex marriage in Vietnam today.

Keywords: Right to marry for same-sex couples; same-sex marriage; legal reform

Received: Jul 26th, 2024; **Editing completed:** Sep 20th, 2024; **Accepted for publication:** Oct 28th, 2024

Hiện nay, thực trạng về hôn nhân đồng giới¹ đang là vấn đề được xã hội quan tâm, bàn luận bởi xu thế công nhận hôn nhân đồng tính đã trở nên bức thiết và đang lan rộng ở nhiều quốc gia, vùng lãnh thổ trên toàn thế giới. Tính đến năm 2024, trên thế giới đã có 36 quốc gia hợp pháp hóa hôn nhân đồng giới². Những quốc gia ủng hộ hôn nhân đồng giới cho rằng, việc hợp pháp hóa kiểu hôn nhân này là để đảm bảo nhân quyền, sự bình đẳng giữa các thiên hướng tình dục và giảm sự phân biệt đối xử trong xã hội. Theo đó, vấn đề công nhận hôn nhân giữa những người đồng giới được xem là một vấn đề chính trị, xã hội, văn hóa quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến các quyền con người, quyền công dân tại nhiều

quốc gia trên thế giới. Ở Việt Nam hiện nay, pháp luật Việt Nam chưa thừa nhận kết hôn giữa những người cùng giới, mặc dù quyền kết hôn là một trong những quyền nhân thân quan trọng của mỗi cá nhân được Hiến pháp và pháp luật hiện hành công nhận. Chính vì vậy, việc nghiên cứu nhằm bảo đảm quyền được kết hôn của người cùng giới mang tính cấp thiết, từ đó có kiến nghị hoàn thiện pháp luật về hôn nhân đồng giới trong thời gian tới.

1. Quyền được kết hôn của người cùng giới

LGBT là tên viết tắt của cộng đồng những người đồng tính luyến ái nữ (lesbian), đồng tính luyến ái nam (gay), song tính luyến ái (bisexual) và chuyển giới (transgender). LGBT thể hiện sự đa dạng của các nền văn hóa nhân loại dựa trên xu hướng tính dục và bản dạng giới. Xu hướng tính dục của con người được

¹ Hay còn được gọi là hôn nhân đồng tính và theo Điều 8 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 là hôn nhân giữa những người cùng giới tính.

² Human Rights Campaign, "Marriage Equality Around the World", <https://www.hrc.org/resources/marriage-equality-around-the-world>, truy cập ngày 06/7/2024.

* Email: Duyle668@gmail.com

Tiến sĩ, Phó trưởng Khoa Nhà nước và Pháp luật, Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội

** Email: Tramyn212@gmail.com

Sinh viên lớp K10E, Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội

chia thành ba loại chủ yếu là dị tính luyến ái, đồng tính luyến ái và song tính luyến ái, còn theo bản dạng giới thì phân thành người chuyển giới và người không chuyển giới³. LGBT được coi là cộng đồng những người thuộc các xu hướng tính dục và bản dạng giới thiểu số trong xã hội⁴. Tuyên ngôn thế giới về quyền con người năm 1948 (UDHR) tại Điều 1 đã nhấn mạnh: “*Mọi người sinh ra tự do và bình đẳng về nhân phẩm và quyền lợi...*”, Điều 2 UDHR quy định mọi người đều được hưởng tất cả các quyền và tự do... mà không có bất kỳ sự phân biệt đối xử nào về chủng tộc, màu da, giới tính, ngôn ngữ, tôn giáo, quan điểm chính trị hoặc quan điểm khác, nguồn gốc dân tộc hoặc xã hội, tài sản, thành phần xuất thân hay bất cứ thân trạng nào khác. Trong Bình luận chung số 20, đoạn 32, Ủy ban về các quyền kinh tế, văn hóa và xã hội của Liên hợp quốc đã khẳng định sự đảm bảo không phân biệt đối xử trong Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa năm 1966 (ICESCR) đã bao gồm xu hướng tính dục.

Quyền kết hôn là một quyền thiêng liêng trong đời sống của mỗi cá nhân. Gắn với quyền này, một gia đình sẽ được hình thành, gắn kết với nhau bằng tình cảm, san sẻ giữa những thành viên trong gia đình. Quyền kết hôn là quyền của cá nhân, công dân quan trọng được ghi nhận trong pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam. Do vậy, bảo vệ quyền của người đồng tính sẽ đảm bảo được giá trị xã hội của pháp luật, hướng đến tính công bằng - mục tiêu cao cả của pháp luật. Điều 36 Hiến pháp năm 2013 quy định: “*Nam, nữ có quyền kết hôn, ly hôn. Hôn nhân theo nguyên tắc tự nguyện, tiến bộ, một vợ một chồng, vợ chồng bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau*”. Theo đó, Hiến pháp quy định xác lập hôn nhân phải dựa trên ý chí tự nguyện giữa các bên và không có quy định về việc kết hôn chỉ là việc giữa nam và nữ. Điều đó có nghĩa là khi con người sinh ra bất kể giới tính, màu da, địa vị... như thế nào thì cũng bình đẳng với nhau về quyền

và lợi ích. Dù là nam hay nữ thì họ cũng có quyền được mưu cầu hạnh phúc, kết hôn với người mình yêu một cách tự do, tự nguyện, bình đẳng và hợp pháp.

Người đồng tính (cũng như các thành viên khác thuộc cộng đồng LGBT) đều là những người yếu thế trong xã hội tương tự như phụ nữ, trẻ em, người khuyết tật... Do vậy, họ cần được pháp luật bảo vệ và ghi nhận các quyền chính đáng của con người trong đó có quyền kết hôn - đang là xu thế tiến bộ mang tính toàn cầu hiện nay. Quyền kết hôn của người đồng tính, dù không phải là quyền duy nhất, nhưng lại mang tính đặc thù nhất và được quan tâm nhất bởi bản chất của mối quan hệ đồng tính là việc hai người cùng giới yêu thương nhau, nên từ đó phát sinh nhu cầu chung sống, mong muốn cùng nhau gánh vác công việc gia đình và xã hội; mong muốn được pháp luật thừa nhận và bảo vệ việc chung sống đó⁵. Thực tiễn thực thi pháp luật tại nhiều quốc gia thừa nhận hôn nhân cùng giới cho thấy, về bản chất, việc được chăm sóc, giáo dục bởi một cặp đôi đồng tính không ảnh hưởng xấu đến quan niệm về thể chế gia đình truyền thống và sự phát triển của trẻ. Ngược lại, việc hợp pháp hóa hôn nhân cùng giới ở các nước còn mang lại lợi ích về sức khỏe cộng đồng, bình đẳng giới và hòa hợp xã hội⁶.

2. Thực trạng pháp luật Việt Nam về hôn nhân giữa những người cùng giới tính

Theo báo cáo của Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế và Chiến lược Việt Nam (VESS) và Viện nghiên cứu Xã hội, Kinh tế và Môi trường (iSEE), ở Việt Nam cộng đồng LGBT được xem là lực lượng lao động quan trọng khi chiếm khoảng 9-11% dân số cả nước (tương đương 10 triệu người)⁷. Theo nghiên cứu của iSEE, Việt Nam hiện đang có khoảng 1,6 triệu người

³ Alwin Blask, *Gay, Lesbian and Bisexual in Society*, Green House Publishing, 1993, tr.7.

⁴ Fact Sheet: *Gay and Lesbian Issues - Discrimination*, <https://www.prii.org/spotlight/lgbt-fact-sheet/>, truy cập ngày 17/7/2024.

⁵ Dương Tuyết Miên (2020), *Bàn về quyền kết hôn của người đồng tính*, <https://danchuphapluat.vn/ban-ve-quyen-ket-hon-cua-nguoi-dong-tinh>, truy cập ngày 25/7/2024.

⁶ Trương Hồng Quang, “Quyền kết hôn của người đồng tính”, *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*, số 4 (260)/ 2014.

⁷ Ngọc Kỳ (2023), “Tôi lên tiếng: Khi Đại biểu Quốc hội muốn có luật liên quan cộng đồng LGBT”, <https://nld.com.vn/thoi-su/toi-len-tieng-khi-dai-bieu-quoc-hoi-muon-co-luat-lien-quan-cong-dong-lgbt-2023041014253461.htm>, truy cập ngày 07/7/2024.

đồng tính, song tính và chuyển giới ở độ tuổi 15 - 59⁸. Nhu cầu muốn kết hôn của người đồng tính chiếm tỉ lệ khá cao. Theo kết quả khảo sát thực hiện tại Việt Nam năm 2012 đối với cả người đồng tính nam và nữ, có tới 71% người được hỏi mong muốn được pháp luật cho phép kết hôn, 25% muốn được sống chung có đăng ký và chỉ có 4% muốn được sống chung không đăng ký⁹. Do đó, vấn đề đảm bảo quyền lợi chính đáng của họ cần phải được giải quyết một cách đúng đắn và thỏa đáng. Đặc biệt, vấn đề hôn nhân đồng giới đang là vấn đề nóng, được xã hội quan tâm.

Trong khoa học pháp lý nói chung và khoa học Luật Hôn nhân và Gia đình nói riêng, việc đưa ra một khái niệm đầy đủ về hôn nhân có ý nghĩa quan trọng, thể hiện bản chất pháp lý của hôn nhân. Theo khoản 1 Điều 3 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: *“Hôn nhân là quan hệ giữa vợ và chồng sau khi kết hôn”*. Hôn nhân truyền thống thường là sự kết hợp về mặt tình cảm, xã hội và tôn giáo một cách hợp pháp giữa một người đàn ông gọi là chồng và một người phụ nữ gọi là vợ. Ngoài ra còn tồn tại một số biến dị của hôn nhân khác như: Hôn nhân đa thê là việc một người đàn ông có thể kết hôn nhiều vợ cùng một lúc, hôn nhân tạm, tảo hôn, hôn nhân đồng giới... Trong đó, hôn nhân đồng giới là việc hai người cùng giới tính sinh học kết hôn với nhau, có thể hiểu là quan hệ hôn nhân giữa hai người cùng là nam hoặc cùng là nữ. Việc xây dựng tình cảm giữa họ cũng tuân theo quy luật tự nhiên là từ cảm xúc giới tính ban đầu, đến tình yêu sau đó tiến tới hôn nhân. Thuật ngữ *“hôn nhân đồng tính”* tuy đã xuất hiện khá lâu nhưng vẫn còn gây nhiều tranh cãi xung quanh việc có nên công nhận như quan hệ hôn nhân dị tính hay nên công nhận bằng một mối quan hệ khác (như kết hợp dân sự) hay từ chối công nhận và lợi ích, tác hại của việc công nhận hôn nhân đồng tính. Bởi bản chất, hôn nhân đồng tính là một vấn đề mang tính chính trị, xã hội, quyền con người,

cũng như vấn đề tôn giáo trên thế giới.

Do đó, hiện nay pháp luật Việt Nam chỉ công nhận chế độ hôn nhân một vợ một chồng giữa nam và nữ. Đối với hôn nhân giữa những người cùng giới, mặc dù không cấm nhưng Nhà nước vẫn không thừa nhận, điều này thể hiện rõ trong khoản 5 Điều 3 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014: *“Kết hôn là việc nam và nữ xác lập quan hệ vợ chồng với nhau theo quy định của Luật này về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn”*. Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định kết hôn là việc chỉ giữa nam và nữ là chưa phù hợp với Hiến pháp năm 2013 và Tuyên ngôn quốc tế nhân quyền 1948, chưa phù hợp với nguyên tắc tự nguyện trong kết hôn.

Trước đây, nếu theo Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 thì việc kết hôn giữa những người đồng giới sẽ bị cấm và hành vi kết hôn sẽ bị xử phạt hành chính theo Điều 8 Nghị định số 87/2001/NĐ-CP ngày 21/11/2001 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình. Từ Luật Hôn nhân gia và Gia đình năm 2014 đã bỏ quy định cấm kết hôn giữa những người cùng giới tính mà thay vào đó theo khoản 2 Điều 8 Luật này quy định: *“Nhà nước không thừa nhận hôn nhân giữa những người cùng giới tính”*. Bên cạnh đó, theo Nghị định số 110/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013 của Chính phủ ban hành quy định về xử phạt quy định vi phạm hành chính trong lĩnh vực nỗ lực tư pháp, hành chính tư pháp, hôn nhân gia đình, thi hành án dân sự; phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã quy định về những hành vi vi phạm quy định về cấm kết hôn, vi phạm chế độ hôn nhân một vợ một chồng thì hành vi kết hôn đồng giới cũng đã được bãi bỏ. Có thể thấy, đây là một bước thay đổi lớn trong tư duy của các nhà lập pháp, cũng như thành công lớn cho quá trình vận động và thảo luận xã hội suốt nhiều năm. Quy định này cho thấy các nhà làm luật đã có góc nhìn khác và thay đổi đối với việc hôn nhân đồng giới, không *“ngghiêm cấm”* một cách cứng nhắc như trước đây mà chỉ *“không thừa nhận”* hôn nhân giữa những người cùng giới. Chính vì thế, những cặp đôi đồng tính vẫn có thể tổ chức lễ cưới chung sống với nhau trên

⁸ Lan Anh (2013), *Việt Nam có khoảng 1,6 triệu người đồng tính*, <https://vov.vn/doi-song/viet-nam-co-khoang-16-trieu-nguoi-dong-tinh-261382.vov>, truy cập ngày 18/7/2024.

⁹ Trương Hồng Quang, tldd.

thực tế nhưng không thể đi đăng ký kết hôn, không được cấp chứng nhận kết hôn và cũng không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ như vợ chồng giữa họ. Vậy nên, họ sẽ không được pháp luật bảo vệ theo quan hệ vợ chồng khi có tranh chấp xảy ra.

Bên cạnh đó, Bộ luật Dân sự năm 2015 đã chính thức thừa nhận quyền nhân thân của người chuyển đổi giới tính, người xác định lại giới tính và Điều 36 Bộ luật này nêu rõ: *“Cá nhân đã thực hiện việc xác định lại giới tính có quyền và nghĩa vụ đăng ký thay đổi hộ khẩu theo quy định của pháp luật về hộ tịch; quyền nhân thân phù hợp với giới tính đã được xác định lại theo quy định của Bộ luật này và luật khác có liên quan”*. Qua đó có thể thấy, mỗi cá nhân đều có thể tự xác lập lại cho mình giới tính của riêng mình mà không được ai tác động tới và họ hoàn toàn có quyền và nghĩa vụ khi xác lập lại giới tính của mình. Đối chiếu với quy định tại khoản 2 Điều 8 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014: *“Nhà nước không thừa nhận hôn nhân giữa những người cùng giới tính”*, thì thấy việc *“không thừa nhận”* kết hôn giữa những người đồng tính sẽ không phù hợp, tương thích với quyền được xác lập lại giới tính mà Bộ luật Dân sự năm 2015 đã đề ra về sau.

Như vậy, vấn đề thừa nhận kết hôn giữa những người đồng tính của pháp luật Việt Nam còn chưa đồng bộ và thống nhất, dẫn đến thực tiễn còn nhiều vướng mắc. Tuy nhiên việc pháp luật thay đổi thành *“chưa thừa nhận”* kết hôn đồng giới vẫn được xem là một hướng đổi mới quan trọng. Sự thay đổi nêu trên vẫn được xem là tín hiệu vui đối với những cặp đôi đồng giới; khi xét về mặt tác động tới xã hội cũng bớt đi phần nào tâm lý bị xã hội, cộng đồng phân biệt đối xử. Hôn nhân giữa những người cùng giới không còn được xem là hành vi bị ngăn cấm hay nguy hại gì thêm cho xã hội và có thể tiến tới được thừa nhận trong tương lai. Việc *“không thừa nhận”* hôn nhân giữa những người đồng giới sẽ trái với nguyên tắc tự nguyện trong hôn nhân bởi kết hôn là quyền chứ không phải là nghĩa vụ. Ngoài ra, hôn nhân đồng giới cũng phải được quy định trong pháp luật Việt Nam. Quan hệ hôn nhân giữa những người cùng giới đã tồn

tại nên cần phải có pháp luật để điều chỉnh mối quan hệ đó trong xã hội theo khuôn khổ của luật pháp. Theo đó, công tác quản lý của Nhà nước sẽ được thực hiện tốt hơn, đảm bảo hơn, có thể giải quyết các mâu thuẫn hôn nhân một cách khách quan và tốt nhất. Việc pháp luật thừa nhận hôn nhân giữa những người đồng giới sẽ giảm phần nào sự kỳ thị, phân biệt đối xử của xã hội đối với họ. Đây là biện pháp vừa bảo vệ được quyền bình đẳng của người đồng giới, đồng thời giải quyết được các hậu quả pháp lý phát sinh khi hai người đồng giới thiết lập quan hệ gia đình. Tuy nhiên, cũng cần phải cân nhắc trong việc thừa nhận vào thời điểm thích hợp để tránh gây tranh cãi trong xã hội.

3. Một số bất cập, vướng mắc của pháp luật khi chưa công nhận hôn nhân đồng giới

Việc pháp luật chưa công nhận vấn đề kết hôn của những người đồng giới vô hình chung làm cho nhiều người có những góc nhìn phiến diện, bản khoăn trong quan điểm về người đồng giới. Chính điều đó làm sâu sắc sự kỳ thị và phân biệt đối xử đối với những người đồng tính trong xã hội, tạo ra những hệ quả xấu:

Một là, tác động gián tiếp tới tình trạng kỳ thị, phân biệt đối xử từ môi trường xung quanh, ảnh hưởng tiêu cực trực tiếp đến người đồng tính

Việc tác động mạnh mẽ tới hiện trạng phân biệt đối xử trên các mặt của đời sống với cộng đồng LGBT nói chung và những người đồng tính nói riêng thường xuất phát từ các diễn ngôn và quan điểm sai lệch về những người đồng tính. Những định kiến, kỳ thị và phân biệt đối xử đối với những người đồng tính thường thể hiện dưới nhiều khía cạnh và mức độ khác nhau: Từ gièm pha, trêu chọc, xa lánh, đến đe dọa và đánh đập. Tình trạng này không chỉ xảy ra ngoài xã hội, ở trường học mà còn xảy ra trong chính gia đình họ. Ngoài ra, những sai lệch trong suy nghĩ và nhận thức của mọi người khiến cho những cặp *“vợ chồng”* người đồng tính gặp nhiều khó khăn và nhiều khi có phản ứng tiêu cực, gây ra những hậu quả không đáng có. Chính vì lẽ đó iSEE đã tiến hành nghiên cứu về việc

“Phân biệt đối xử dựa trên xu hướng tính dục và bản dạng giới tại Việt Nam” thực hiện trên 63 tỉnh, thành phố tại Việt Nam và đưa ra kết luận rằng: *“Gia đình, trường học và nơi làm việc là ba môi trường xảy ra nhiều sự phân biệt đối xử với người LGBT nhất”*¹⁰.

Thứ nhất, trong môi trường gia đình: Trong gia đình, những người đồng tính thường bị đối xử hắt hủi nhất so với các anh, chị, em, họ không nhận được tình thương và sự chấp nhận. Từ khía cạnh đó, ở Việt Nam, những áp lực của đời sống xã hội với nhiều mối quan hệ gần gũi khiến gia đình người chuyển giới thường bị hàng xóm và người quen xét nét, họ yêu cầu con cái không được ăn mặc hay có những hành vi khác biệt để giữ thể diện gia đình. Nhiều gia đình do không có kiến thức nên cho rằng con đua đòi theo bạn bè; cho rằng các em tự chọn cho mình xu hướng tính dục và bản dạng giới “khác biệt”, khẳng định rằng việc chuyển giới sẽ không có tương lai nên đã đề ra những biện pháp mạnh để “điều chỉnh” hoặc ép buộc con phải quay lại với giới tính “thật” của mình. Các hình thức ấy có thể là từ lời nói (mắng nhiếc, sỉ nhục) đến hành động như nhốt, ép buộc rời khỏi nhà, đánh đập... hay “đi gặp bác sĩ tâm lý”. Với nhận thức rằng pháp luật không công nhận thì đó là những điều sai trái, hành động ngăn cấm đó của cha mẹ đã vô hình chung chuyển biến thành bạo lực và có thể vi phạm quy định “không được phân biệt đối xử với con trên cơ sở giới” theo Luật Hôn nhân và Gia đình hay các quy định trong văn bản pháp luật khác. Ngoài ra, trong một số trường hợp, người gây bạo lực không chỉ là cha mẹ, mà cả các thành viên khác trong gia đình.

Thứ hai, trong môi trường trường học: Trong môi trường này, những người đồng tính không chỉ bị bạo lực về thể chất, tinh thần, tình dục hay kinh tế mà còn bị phân biệt đối xử tại trường học. Những hành vi gián tiếp tác động đến việc kỳ thị mà những người đồng tính phải chịu ở trường học là việc bị sỉ nhục

mang tính xúc phạm, chủ yếu trước mặt các thầy cô và những học sinh khác. Theo nghiên cứu về “*Bạo lực học đường trên cơ sở giới tại Việt Nam*” được Viện Khoa học Giáo dục, Bộ Giáo dục và Đào tạo và UNESCO thực hiện năm 2015, trên cơ sở khảo sát trực tuyến 2.636 học sinh bao gồm 241 học sinh tự nhận là LGBT, cho thấy: Học sinh LGBT có nguy cơ bị bạo lực cao hơn so với những bạn khác. Có 71% học sinh LGBT đã trải qua bạo lực thể chất, 72.2% bạo lực lời nói, 65.2% bạo lực tâm lý xã hội, 26% bạo lực tình dục và 20% bạo lực liên quan đến công nghệ thông tin. Những em là nạn nhân của bạo lực thường dễ bị cô lập, bị cản trở cơ hội học tập dẫn đến không đáp ứng được mong đợi của gia đình và nhà trường¹¹. Có thể thấy, môi trường giáo dục luôn đề cao tính đa dạng và bao dung nhưng thực tiễn còn tồn tại những vấn đề trái với điều này. Pháp luật không công nhận việc kết hôn của những người đồng tính nên việc họ bị kỳ thị, bắt nạt, quấy rối trong môi trường giáo dục là việc không thể tránh khỏi.

Thứ ba, môi trường lao động (hay môi trường làm việc): Khi những người đồng giới quyết định sống thật với bản thân mình, thể hiện mình khác với giới tính sinh học thì họ bắt đầu phải đối mặt với quá trình đầy khó khăn và thách thức không chỉ trong những mối quan hệ gia đình, trong việc tìm kiếm người yêu để chấp nhận họ, những rủi ro về sức khỏe, mà còn đối mặt với một thực tế rằng họ sẽ rất khó xin được việc làm như mong muốn. Do luôn sống trong sự kỳ thị từ trong gia đình, trường học cho đến xã hội, sẽ có những trường hợp người đồng tính không thể tiếp tục học lên những bậc cao hơn, đặc biệt phải bỏ học giữa chừng (vì gia đình không giúp đỡ và nhà trường không tạo điều kiện). Bởi vậy, việc kỳ thị trong các môi trường khác cũng có thể sẽ trở thành rào cản tước đi cơ hội có kiến thức, bằng cấp, công việc hay tương lai phát triển của người đồng tính. Bên cạnh đó, tại môi trường làm việc của mình, những người đồng tính có khả năng phải chịu sự phân biệt đối

¹⁰ Lương Thế Huy, Phạm Quỳnh Phương, *Có phải bởi vì tôi là LGBT? (Phân biệt đối xử dựa trên xu hướng tính dục và bản dạng giới tại Việt Nam)*, iSEE, Nxb. Hồng Đức, 2016.

¹¹ Báo cáo nghiên cứu bạo lực học đường trên cơ sở giới có liên quan đến xu hướng tính dục, bản dạng và thể hiện giới tại Việt Nam, UNESCO, 2016.

xử thông qua những lời nhận xét, hành động tiêu cực từ đồng nghiệp hoặc có thể bị hạn chế cơ hội thăng tiến trong công việc...

Hai là, hậu quả của giải quyết tranh chấp pháp lý từ việc sống chung của người đồng giới

Thực tiễn đời sống xã hội hiện nay cho thấy, vấn đề kết hôn đồng giới đã và đang diễn ra rất phổ biến và có xu hướng tăng lên. Từ quyết định sống chung của những người đồng tính có thể thấy mong muốn thiết lập một cuộc sống chung ổn định, có vai trò và trách nhiệm giống như mối quan hệ hôn nhân giữa người nam và người nữ. Đồng thời, khi những người cùng giới tính chung sống sẽ phát sinh nhiều tranh chấp pháp lý mà điển hình là tranh chấp về tài sản chung và tranh chấp về con nuôi chung dẫn đến phát sinh vấn đề thừa kế. Đây cũng là thực tiễn phức tạp nhất khi thiếu hành lang pháp lý trong quan hệ giữa họ khi họ chưa được xác định là vợ chồng, cụ thể như sau:

Thứ nhất, tranh chấp về tài sản chung: Tài sản có thể phát sinh từ các giao dịch mà hai người cùng thực hiện hoặc việc nhập tài sản riêng của mỗi người vào khối tài sản chung hay chỉ đơn thuần là sự thỏa thuận của họ về một tài sản nào đó được nhập vào khối tài sản chung. Thế nhưng, do pháp luật không công nhận việc kết hôn giữa những người đồng giới nên nếu trong thời kỳ “hôn nhân” của họ, họ cùng nhau tạo ra tài sản chung, tới khi có mâu thuẫn dẫn đến chia tay thì việc phát sinh tranh chấp tài sản sẽ khó có thể xử lý. Bên cạnh đó, trong trường hợp một trong hai người đột ngột qua đời thì người còn lại đương nhiên sẽ không được hưởng quyền thừa kế tài sản của người kia mặc dù đã có sự thỏa thuận về tài sản từ trước. Trong trường hợp này, không phải tài sản chung nào cũng cần có hai người để hoàn tất thủ tục đăng ký hộ tịch nhằm sở hữu chung tài sản, do đó sẽ cần phải bán một số tài sản chung để chi trả phần giá trị đó cho người nhà của người đã mất. Đây cũng là một vướng mắc, bất cập rất lớn, ảnh hưởng trực tiếp đến quyền của người còn sống mà pháp luật hiện hành chưa bảo vệ được.

Thứ hai, tranh chấp về con nuôi chung: Bản

chất là những người đồng tính nên khi trở thành cha mẹ, họ sẽ bị hạn chế về khả năng sinh con. Vậy nên, nhiều người đồng tính chỉ còn cách trở thành cha mẹ bằng cách nhận con nuôi hoặc con là con riêng của một người. Điều này đặt ra vấn đề khi hai người đồng giới cùng nhận con nuôi thì việc ghi tên cha mẹ sẽ như thế nào? Liệu có thể cả hai được cùng đứng tên bố hoặc đứng tên mẹ của đứa trẻ hay không? Ngoài ra, khi “hôn nhân” của những người đồng giới tan vỡ thì phải làm như thế nào để đảm bảo được đầy đủ quyền lợi cho đứa trẻ và quyền nuôi con sẽ do ai đảm nhiệm. Đây là những khoảng trống mà pháp luật hiện hành vẫn chưa có đủ chế tài để giải quyết những vấn đề này.

4. Kiến nghị hoàn thiện pháp luật Việt Nam về hôn nhân đồng giới

Ở Việt Nam, vấn đề hôn nhân đồng giới còn chịu tác động từ nhiều phương diện như chính trị, văn hóa, xã hội, tôn giáo, đạo đức xã hội. Hiện nay, việc pháp luật vẫn chưa thừa nhận hôn nhân đồng giới vì còn chịu sự chi phối bởi yếu tố như định kiến xã hội, phong tục tập quán, nét truyền thống, văn hóa và tư tưởng chính trị từ xưa. Tuy nhiên, trong thời đại hội nhập toàn cầu cùng với sự phát triển của phương tiện truyền thông, con người ngày càng có một cái nhìn khách quan hơn về hôn nhân đồng giới, quan điểm về kết hôn cùng giới cũng đa dạng hơn với nhiều mức độ khác nhau. Vậy nên, pháp luật phải thay đổi sao cho phù hợp với tình hình mới của xã hội. Những người trong quan hệ hôn nhân đồng giới cũng muốn sống cuộc sống hôn nhân được pháp luật ghi nhận nhằm thực hiện quyền cũng như bảo vệ quyền và các lợi ích chính đáng của mình. Do đó, mong muốn được thừa nhận quyền kết hôn là mong muốn chính đáng của những người đồng tính.

Với nhận thức quan trọng rằng bảo vệ, bảo đảm các quyền con người, quyền công dân là nhiệm vụ của Nhà nước, trong đó, những người đồng tính là một bộ phận người đáng được hưởng quyền mà họ mong muốn, khát khao có được. Từ nhu cầu thực tiễn ở Việt Nam về việc chung sống của người cùng giới và quá trình công nhận hôn nhân đồng

giới tại nhiều quốc gia trên thế giới, đồng thời, để bảo vệ, bảo đảm quyền được kết hôn của người cùng giới, nhóm tác giả xin đưa ra một số định hướng nhằm hoàn thiện pháp luật Việt Nam về hôn nhân giữa những người đồng giới như sau:

Một là, cần mở rộng đối tượng “kết hôn” không chỉ có “nam và nữ” theo hướng công nhận hôn nhân cùng giới tính, theo đó khoản 5 Điều 3 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 cần sửa đổi như sau:

“Kết hôn là việc nam với nữ hoặc những người cùng giới tính xác lập quan hệ vợ chồng với nhau theo quy định của Luật này về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn”.

Đồng thời, cần bãi bỏ quy định tại khoản 2 Điều 8 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014: “Nhà nước không thừa nhận hôn nhân giữa những người cùng giới tính”. Theo đó, Điều 8 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 cần sửa đổi như sau:

“Điều 8. Điều kiện kết hôn

Nam, nữ kết hôn phải tuân theo các điều kiện sau đây:

- 1. Nam từ đủ 20 tuổi trở lên, nữ từ đủ 18 tuổi trở lên;*
- 2. Việc kết hôn do nam và nữ tự nguyện quyết định;*
- 3. Không bị mất năng lực hành vi dân sự;*
- 4. Việc kết hôn không thuộc một trong các trường hợp cấm kết hôn theo quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 2 Điều 5 của Luật này”.*

Hai là, cần bổ sung và hoàn thiện các quy định về “nhận con nuôi”, “mang thai hộ” hay “thụ tinh trong ống nghiệm” và đặc biệt “xác định cha mẹ con” nếu các cặp đôi cùng giới tính mong muốn có con hoặc nhận con nuôi nhưng với điều kiện họ phải đảm bảo được các yêu cầu về tài chính, kinh tế cũng như điều kiện về đạo đức.

Ba là, bên cạnh việc sửa đổi Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cũng cần rà soát, điều chỉnh các quy định của Luật Hộ tịch năm 2014 và các văn bản pháp luật hiện hành để có những điều chỉnh phù hợp và bổ sung quyền lợi cho những người cùng giới tính.

Việc công nhận quyền kết hôn của người cùng giới không chỉ là vấn đề quyền con người, quyền công dân mà còn là vấn đề chính trị, tôn giáo tại nhiều quốc gia. Hiện nay, tuy số lượng các quốc gia và vùng lãnh thổ công nhận hôn nhân đồng giới còn chưa nhiều nhưng có xu hướng tăng dần theo từng năm. Trong xu thế phát triển của xã hội hiện đại, chúng ta nên dần chấp nhận với sự đa dạng của các kiểu gia đình thay vì ấn định hình ảnh về cấu trúc gia đình truyền thống, bởi ở đâu có “hạnh phúc” thì đó là “gia đình”. Đồng nghĩa với việc người đồng tính được công nhận đầy đủ các quyền bình đẳng, trong đó có quyền được kết hôn. Do đó, công nhận kết hôn giữa những người cùng giới là một vấn đề tất yếu bởi đó là quyền được sống đúng với những gì mình có. Trong tương lai, việc hợp pháp hóa hôn nhân đồng giới cần được tiến hành một cách linh hoạt để thích nghi với sự thay đổi hàng ngày của xã hội, cần phát triển đồng bộ về mọi mặt kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục và phát triển cả tư duy của mỗi người. Chỉ khi pháp luật tiên phong thừa nhận thì xã hội mới chấp nhận việc kết hôn giữa những người đồng giới./

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tuyên ngôn quốc tế nhân quyền 1948;
2. Hiến pháp năm 2013;
3. Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
4. Bộ luật Dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;
5. Phạm Quỳnh Phương, *Người đồng tính song tính và chuyển giới ở Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, 2014;
6. Trương Hồng Quang, *Tìm hiểu quyền của người đồng tính, song tính, chuyển giới và liên giới tính ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị Quốc gia sự thật, 2017;
7. Trương Hồng Quang, “Quyền kết hôn của người đồng tính”, *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*, số 4 (260)/ 2014;
8. Dương Tuyết Miên (2020), “Bàn về quyền kết hôn của người đồng tính”, <https://danchuphapluat.vn/ban-ve-quyen-ket-hon-cua-nguoi-dong-tinh/>;
9. Kamarad E, *Necessity of Recognition of Same-Sex Marriages Concluded Abroad*, The Asian Yearbook of Human Rights and Humanitarian Law, Volume 3, 2019.